



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 104:2025/BNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ LAI**

National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize

HÀ NỘI - 2025

Lời nói đầu

QCVN 104:2025/BNNMT do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo Thông tư số ... /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025.

QCVN 104:2025/BNNMT thay thế QCVN 01-53: 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ LAI

National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống ngô lai thuộc loài *Zea mays* L. Mã HS: 1005.10.00 (Thông tư số 01/2024/TT-BNN&PTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống ngô lai thuộc loài *Zea mays* L. tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1.3.1. Giải thích từ ngữ

- Dòng thuần: là dòng tự thụ phấn đạt đến mức đồng nhất về di truyền hay dòng đơn bội kép.
- Giống ngô lai: là giống ngô được tạo thành do quá trình lai giữa bố, mẹ là hai dòng thuần (lai đơn) hoặc lai giữa bố, mẹ là một dòng thuần và một lai đơn (lai ba) hoặc lai giữa bố, mẹ là hai lai đơn (lai kép).
- Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc trước khi lập báo cáo đánh giá hợp quy.
- Lô hạt giống ngô: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 40 tấn.

1.3.2. Chữ viết tắt

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia.

1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.
- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.
- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về lưu mẫu giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu.

- Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1 phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1 phải cách ly với các ruộng trồng ngô khác bằng một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 - Yêu cầu cách ly

Phương pháp, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng bố, mẹ	Ruộng sản xuất hạt lai F₁
1. Cách ly không gian, không nhỏ hơn, m	500	300
- Giữa ruộng giống với các ruộng ngô khác		
- Giữa các ruộng sản xuất hạt lai F1 có chung bố	-	5
2. Cách ly thời gian	Thời điểm phun râu của cây mẹ trong ruộng giống phải chênh lệch so với thời điểm tung phấn của các ruộng ngô khác ít nhất 20 ngày.	

2.1.3. Yêu cầu độ thuần ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1

Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ	Ruộng sản xuất hạt lai F1	
		Lai đơn	Lai ba, lai kép
1. Độ thuần bố, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	99,5	99,0
2. Độ thuần mẹ, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	99,5	99,0
3. Số cây mẹ chưa khử hết cờ đang tung phấn tại lần kiểm định 3, % số cây, không lớn hơn	-	0,5	0,5

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Các chỉ tiêu chất lượng hạt lai F1 phải đáp ứng theo quy định tại Bảng 3.

Bảng 3 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu	Dòng bố, mẹ	Hạt lai F ₁
1. Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0
2. Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn ^a	85	85
3. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	11,5	11,5
Chú thích: ^a Đối với ngô đường, tỷ lệ nảy mầm không nhỏ hơn 80%		

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**3.1. Phương pháp kiểm định**

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống ngô lai quy định tại 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi cây được 5 lá đến 7 lá;
- Lần 2: Khi có 1% đến 5% số cây mẹ phun râu;
- Lần 3: Khi có khoảng 70% số cây mẹ phun râu;
- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 - 15 ngày.

3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống ngô lai theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô lai quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Đánh giá sự phù hợp QCVN

4.1.1. Hình thức đánh giá

Đánh giá sự phù hợp QCVN thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.1.2. Phương thức đánh giá

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN sau khi đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống quy định tại 3.1 và 4.1.4;
- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.8;
- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN.

4.1.3. Các bước đánh giá lô giống

4.1.3.1. Đối với giống sản xuất trong nước như sau:

- Kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;
- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;
- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;
- Tiền kiểm theo quy định tại 4.1.7

4.1.3.2. Đối với giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận phù hợp QCVN theo quy định tại 4.1.8;
- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;
- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6.

4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo quy chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng, số liệu kiểm định các lần trước đó được ghi chép có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy 02 mẫu giống nhau, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu tiền kiểm phải lấy thêm một mẫu (khối lượng tối thiểu 250 gram) để tiền kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.7. Tiền kiểm

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ cây khác dạng mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định.

4.1.7.2. Phương pháp tiền kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.7.3. Báo cáo kết quả tiền kiểm theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.8. Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng, nước sản xuất; hợp đồng mua bán hạt giống; hóa đơn (Invoice), Tờ khai hải quan, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm).

4.2. Tự đánh giá sự phù hợp QCVN

4.2.1. Trình tự đánh giá sự phù hợp QCVN theo quy định tại mục 4.1.3.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN của lô giống theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.3. Chứng nhận sự phù hợp QCVN

Chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống ngô lai thực hiện theo quy định tại mục 4.1.3.

4.4. Công bố hợp quy

Công bố hợp quy thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.5. Hồ sơ chất lượng lô giống

4.5.1. Hồ sơ chất lượng lô giống được đánh giá tại tổ chức chứng nhận sự phù hợp

4.5.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm (nếu có); Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống.

4.5.1.2. Lô giống nhập khẩu: Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.8 và Biên bản lấy mẫu; Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống nhập khẩu.

4.5.1.3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.5.2. Hồ sơ chất lượng lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá gồm: Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Báo cáo kết quả tiền kiểm (nếu có); Báo cáo đánh giá hợp quy lô giống, hồ sơ công bố hợp quy và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.5.3. Lưu hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1 và 4.5.2;

- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp QCVN lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1.1 và 4.5.1.2;

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ chất lượng lô giống gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

4.7. Quy định chuyển tiếp

- Đối với lô giống đã được đánh giá sự phù hợp hoặc chứng nhận sự phù hợp theo QCVN 01-53:2011/BNNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn sử dụng của lô giống kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

- Với bao bì đã in ghi nhãn theo QCVN 01-53:2011/BNNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được phép sử dụng tiếp 24 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hạt giống lúa lai ha dòng tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về giống cây trồng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn viện dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Phụ lục 01
BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....thángnăm

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG CÂY TRỒNG

Số: /BBKĐ-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC người kiểm định:

- Đơn vị công tác (nếu có):

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

A. Thông tin chung:

1. Chủ lô ruộng giống:

- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã lô ruộng giống:

5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định: ha/dòng

6. Nguồn giống (giống đời trước):

a. Đối với sản xuất siêu nguyên chủng:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng:

b. Đối với sản xuất nguyên chủng, xác nhận:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã hiệu lô giống:

- Tổ chức chứng nhận hợp quy/Tổ chức tự đánh giá sự phù hợp:

- Mã số Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:

8. Thời kỳ kiểm định:

9. Lần kiểm định:

B. Kết quả kiểm định: (các chỉ tiêu đánh giá tại từng lần kiểm định theo QCVN)

Phương pháp kiểm định: TCVN 8550:2018

+ Lần 1:

+ Lần 2:

.....

C. Kết luận:

- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha/dòng;

- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định không phù hợp QCVN: ha/dòng:

D. YÊU CẦU KHÁC

**ĐẠI DIỆN CHỦ
LÔ RUỘNG GIỐNG**
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 02
BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

Số/BBLM-.....

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống.....

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

Địa điểm lấy mẫu:

Họ tên người lấy mẫu:Mã số/Số CCCD/CC:

Đơn vị công tác (nếu có):

Ngày/tháng/năm lấy mẫu: Phương pháp lấy mẫu:

TT	Loài cây trồng	Tên giống	Cấp giống	Mã hiệu lô giống	Khối lượng lô giống (kg)	Số lượng bao chứa (bao)	Xử lý hóa chất (có/ không)	Khối lượng mẫu lấy (kg)	Ký hiệu mẫu	Điều kiện bảo quản mẫu	Ghi chú		
											Số lượng mẫu lấy	Mẫu gửi phòng thử nghiệm	Mẫu lưu tại cơ sở

Tôi (người lấy mẫu) cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành đúng theo phương pháp quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Lô gô (nếu có) TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM
Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Web:
Mã số:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG
Mã số thử nghiệm:

I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG

Tên khách hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:
Nơi sản xuất:
Thời gian thu hoạch:
Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)
Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:
Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:
Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:
Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:
Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:
Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:
Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:

II. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM: TCVN 8548:2011

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Độ sạch (% khối lượng)	Nảy mầm					Độ ẩm (% khối lượng)
	Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
		Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	

IV. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (nếu có)

Các chỉ tiêu.... phù sự phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...
Các chỉ tiêu... không phù sự phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày..... tháng.....năm

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM

**TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
TIỀN KIỂM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM

Giới thiệu chung

Địa điểm:

Thời vụ:

1. Vật liệu
2. Phương pháp tiền kiểm: TCVN 8547:2011
 - 2.1. Bố trí thí nghiệm
 - 2.2. Theo dõi và đánh giá
3. Kết quả
 - 3.1. Về tính đúng giống
 - 3.2. Về độ thuần của giống
4. Kết luận và đề nghị
 - 4.1. Kết luận
 - Về tính đúng giống
 - Về độ thuần của giống
 - 4.2. Đề nghị

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Đơn vị có mẫu tiền kiểm;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 05
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BCĐGHQ-.....

....., ngày ... tháng năm

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email: Website:

2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:

3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

4. Mã lô giống được đánh giá sự phù hợp:

5. Kết quả đánh giá:

5.1. Kiểm định ruộng giống

- Ngày kiểm định:

- Địa điểm kiểm định:

- Diện tích lô ruộng giống kiểm định:

- Họ và tên người kiểm định:

Điện thoại:

Mã số:

- Đơn vị quản lý người kiểm định:

- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm

- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu

- Ngày lấy mẫu:

- Địa điểm lấy mẫu:

- Khối lượng lô giống:

- Họ và tên người lấy mẫu:

Điện thoại:

Mã số:

- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:

- Tên tổ chức thử nghiệm:

- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm

- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN: ...

6. Kết quả các nội dung khác (nếu có):

7. Kết luận:

Lô giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp chuẩn kỹ thuật số do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày tháng năm.

... (tổ chức, cá nhân) cam kết chất lượng lô giống.... phù hợp chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 06
GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG
TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

Lô gô (nếu có)

Tên Tổ chức chứng nhận:

Địa chỉ:

ĐT:

Fax:

Email:

Website:

Mã số:

GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
 Số: /GCNHQ-

I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:

Chủ lô giống:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Loài cây trồng:

Tên giống:

Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định:

Mã số/Số CCCD/CC:

Họ tên người lấy mẫu:

Mã số/Số CCCD/CC:

Mã lô giống:

Ngày lấy mẫu:

Khối lượng lô giống:

Ngày nhận mẫu:

Số lượng bao chứa:

Khối lượng mẫu gửi:

Chất lượng bao bì:

Phương pháp lấy mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu)

Ngày cấp:

II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG (Trường hợp giống sản xuất trong nước):

Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018

Đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm)

Đơn vị kiểm định:

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU:

Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011

- Mã số thử nghiệm mẫu:

- Mã số tổ chức thử nghiệm:

- Kết quả thử nghiệm:

Độ sạch (% khối lượng)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

IV. KẾT LUẬN:

Lô giống... cấp giống... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ngày tháng năm.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN
 (Ký tên, đóng dấu)